

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
XÃ KÝ PHÚ**

Số: /QĐ-UBND

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

Ký Phú, ngày tháng 10 năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc công bố công khai số liệu thực hiện dự toán ngân sách xã**  
**Quý 3 năm 2023.**

**ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ KÝ PHÚ**

*Căn cứ luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;*

*Căn cứ Nghị định 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ tài chính về việc hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;*

*Căn cứ Quyết định 8868/QĐ-UB ngày 30 tháng 12 năm 2022 của UBND huyện Đại Từ về việc giao dự toán ngân sách nhà nước huyện Đại Từ năm 2023;*

*Căn cứ Nghị quyết số 36/NQ-HĐND ngày 26 tháng 12 năm 2022 của HĐND xã Ký Phú về việc phê chuẩn dự toán và phân bổ thu – chi ngân sách năm 2023;*

*Căn cứ Quyết định số 02/QĐ-UBND ngày 06/01/2023 của UBND xã Ký Phú về việc phân bổ dự toán chi thường xuyên năm 2023;*

*Xét đề nghị của Ban tài chính xã,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố công khai số liệu thực hiện dự toán ngân sách xã quý 3 năm 2023 ( Theo các biểu đính kèm).

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Văn phòng UBND, ban Tài chính xã và các bộ phận liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

**Nơi nhận:**

- Phòng Tài chính huyện;
- Đảng ủy xã;
- Cơ quan của các đoàn thể ở xã;
- Các trường xóm trong xã;
- Lưu: Văn phòng UBND.

**TM.ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Lỗ Thanh Hiệp**

*Ký Phú, ngày 06 tháng 10 năm 2023*

## **CÔNG KHAI**

### **Thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách xã quý 3 năm 2023.**

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;*

*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều Luật Ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;*

*Căn cứ Quyết định 8868/QĐ-UB ngày 30 tháng 12 năm 2022 của UBND huyện Đại Từ về việc giao dự toán ngân sách nhà nước huyện Đại Từ năm 2023;*

*Căn cứ Nghị quyết số 36/NQ-HĐND ngày 26 tháng 12 năm 2022 của HĐND xã Ký Phú về việc phê chuẩn dự toán và phân bổ thu – chi ngân sách năm 2023;*

*Căn cứ Quyết định số 02/QĐ-UBND ngày 06/01/2023 của UBND xã Ký Phú về việc phân bổ dự toán chi thường xuyên năm 2023;*

*Căn cứ Quyết định số 197 /QĐ-UBND ngày 06/ 10/2023 của UBND xã Ký Phú về việc công bố công khai số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách xã quý 10/2023;*

UBND xã Ký Phú thực hiện công khai thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách xã quý 2 năm 2023 theo các nội dung sau:

#### **1. Cân đối ngân sách xã quý 3 năm 2023 (đính kèm biểu số 113/CK TC-NSNN)**

- Tổng số thu: 2.186.275.422 đồng.

*Trong đó:* + Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ: 708.579.422 đồng.

+ Thu bổ sung: 1.477.696.000 đồng.

- Tổng số chi: 1.723.207.340 đồng.

*Trong đó:* + Chi đầu tư phát triển: 173.500.000 đồng.

+ Chi thường xuyên: 1.549.707.340 đồng.

#### **2. Ước thực hiện thu ngân sách xã quý 3 năm 2023 (đính kèm biểu số 114/CKTC-NSNN)**

Tổng thu NSNN trên địa bàn xã quý 3/2023: 2.186.275.422 đồng đạt 34,85% dự toán giao. Thu cân đối trên địa bàn xã thực hiện là: 708.579.422 đồng đạt 157,46% so với dự toán HĐND xã giao. Thu trợ cấp: 1.477.696.000 đồng đạt 24,36%.

**3. Ước thực hiện chi ngân sách xã quý 3 năm 2023** (đính kèm biểu số 115/CKTC-NSNN).

Tổng chi ngân sách nhà nước xã quý 3 năm 2023 là: 1.723.207.340 đồng đạt 31,09% kế hoạch giao.

*Trong đó:* + Chi đầu tư phát triển: 173.500.000 đồng.

+ Chi thường xuyên: 1.549.707.340 đồng.

**4. Đánh giá về tình hình thực hiện dự toán ngân sách xã quý 3 năm 2023.**

Nhìn chung thu ngân sách nhà nước trên địa bàn xã quý 3 năm 2023 đảm bảo tiến độ so với dự toán, theo đó đã đảm bảo nguồn để cân đối nhiệm vụ chi theo dự toán, đặc biệt là chi các nhiệm vụ an sinh xã hội, chính sách cho con người và các nhiệm vụ phát sinh khác.

Công tác chi ngân sách quý 3 năm 2023 đã thực hiện theo đúng Luật ngân sách và dự toán giao đầu năm, các ban ngành đã chủ động xây dựng kế hoạch trên tinh thần tiết kiệm chi. Đáp ứng được nhu cầu chi thường xuyên cũng như đột xuất của bộ máy nhà nước, phục vụ cho việc phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương. Đảm bảo chi trả lương, phụ cấp cho cán bộ, công chức, kịp thời thanh toán khối lượng tạm ứng và công tác quyết toán các công trình đã hoàn thành đưa vào sử dụng.

Trên đây là thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách quý 3 năm 2023 của UBND xã Ký Phú.

***Nơi nhận:***

- Phòng Tài chính huyện;
- Đảng ủy xã;
- HĐND xã;
- Các đoàn thể ở xã;
- Các xóm;
- Lưu: VP,KT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Lỗ Thanh Hiệp**

**CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH XÃ QUÝ III NĂM 2023**

Đơn vị: đồng

STT	NỘI DUNG THU	DỰ TOÁN NĂM	ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ (06 THÁNG, NĂM)	SO SÁNH (%)
A	B	1	2	3 = 2/1
<b>I</b>	<b>TỔNG SỐ THU</b>	<b>6.273.657.000</b>	<b>2.186.275.422</b>	<b>34,85</b>
1	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ	450.000.000	708.579.422	157,46
2	Thu bổ sung	5.180.797.000	1.477.696.000	28,52
	- Bổ sung cân đối ngân sách	5.180.797.000	1.261.866.000	24,36
	- Bổ sung có mục tiêu		215.830.000	
3	Thu chuyển nguồn	642.860.000		
<b>II</b>	<b>TỔNG SỐ CHI</b>	<b>5.542.632.000</b>	<b>1.723.207.340</b>	<b>31,09</b>
1	Chi đầu tư phát triển		173.500.000	
2	Chi thường xuyên	5.442.632.000	1.549.707.340	28,47
3	Dự phòng	100.000.000		

Ghi chú: (1) Bao gồm 4 khoản thuế, lệ phí Luật NSNN quy định cho ngân sách xã hưởng và những khoản thu ngân sách địa phương được hưởng dùng để phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) cho xã.

**ƯỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH XÃ QUÝ III NĂM 2023**

Đơn vị: đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM		ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ (06 THÁNG, NĂM)		SO SÁNH (%)	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
A	B	1	2	3	4	5 = 3/1	6 = 4/2
	<b>Tổng số thu</b>	<b>6.723.657.000</b>	<b>6.273.657.000</b>	<b>7.286.155.419</b>	<b>2.186.275.422</b>	<b>108,37</b>	<b>34,85</b>
<b>I</b>	<b>Các khoản thu 100%</b>	<b>103.000.000</b>	<b>103.000.000</b>	<b>221.057.809</b>	<b>220.743.040</b>	<b>214,62</b>	<b>214,31</b>
1	Phí, lệ phí	58.000.000	58.000.000	17.150.000	17.150.000	29,57	29,57
2	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác			199.593.040	199.593.040		
3	Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp						
4	Thu phạt, tịch thu khác theo quy định			4.314.769	4.000.000		
5	Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước theo quy định						
6	Đóng góp của nhân dân theo quy định						
7	Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân						
8	Thu khác	45.000.000	45.000.000				
<b>II</b>	<b>Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)</b>	<b>797.000.000</b>	<b>347.000.000</b>	<b>5.587.401.610</b>	<b>487.836.382</b>	<b>701,05</b>	<b>140,59</b>
1	Các khoản thu phân chia	222.000.000	222.000.000	461.684.764	461.684.764	207,97	207,97
11	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp			6.272.607	6.272.607		
12	Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình						
13	Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh	16.000.000	16.000.000				
14	Lệ phí trước bạ nhà, đất	206.000.000	206.000.000	455.412.157	455.412.157	221,07	221,07
2	Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định	575.000.000	125.000.000	5.125.716.846	26.151.618	891,43	20,92

21	Thu tiền sử dụng đất			4.841.320.000			
22	Thu tiền thuê mặt đất, mặt nước						
23	Thuế tài nguyên						
24	Thuế giá trị gia tăng	125.000.000	125.000.000	27.241.265	26.151.618	21,79	20,92
25	Thuế thu nhập doanh nghiệp						
26	Thuế thu nhập cá nhân	450.000.000		257.155.581		57,15	
27	Thuế tiêu thụ đặc biệt						
<b>III</b>	<b>Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)</b>						
<b>IV</b>	<b>Thu chuyển nguồn</b>	<b>642.860.000</b>	<b>642.860.000</b>				
<b>V</b>	<b>Thu kết dư ngân sách năm trước</b>						
<b>VI</b>	<b>Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên</b>	<b>5.180.797.000</b>	<b>5.180.797.000</b>	<b>1.477.696.000</b>	<b>1.477.696.000</b>	<b>28,52</b>	<b>28,52</b>
1	Thu bổ sung cân đối	5.180.797.000	5.180.797.000	1.261.866.000	1.261.866.000	24,36	24,36
2	Thu bổ sung có mục tiêu			215.830.000	215.830.000		



	Các hoạt động kinh tế khác								
10	Chi quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể	4.263.877.000	4.263.877.000	1.240.153.401	13.500.000	1.226.653.401	29,09		28,77
	Trong đó: Quỹ lương			894.623.622		894.623.622			
	Quản lý Nhà nước	2.642.953.000	2.642.953.000	763.937.955	13.500.000	750.437.955	28,9		28,39
	Đảng Cộng sản Việt Nam	575.384.000	575.384.000	202.257.737		202.257.737	35,15		35,15
	Mặt trận Tổ quốc Việt Nam	350.640.000	350.640.000	100.498.754		100.498.754	28,66		28,66
	Đoàn Thanh niên Cộng sản HCM	128.000.000	128.000.000	37.379.174		37.379.174	29,2		29,2
	Hội Liên hiệp Phụ nữ	135.000.000	135.000.000	35.087.264		35.087.264	25,99		25,99
	Hội Cựu chiến binh	128.000.000	128.000.000	34.228.619		34.228.619	26,74		26,74
	Hội Nông dân	140.000.000	140.000.000	33.022.898		33.022.898	23,59		23,59
	Chi hỗ trợ khác (nếu có)	163.900.000	163.900.000	33.741.000		33.741.000	20,59		20,59
	Hội đồng y	16.700.000	16.700.000	4.860.000		4.860.000	29,1		29,1
	Hội cựu thanh niên xung phong	17.700.000	17.700.000	4.860.000		4.860.000	27,46		27,46
	Hội Nạn nhân chất độc Da cam	17.700.000	17.700.000	6.201.000		6.201.000	35,03		35,03
	Hội người cao tuổi	68.100.000	68.100.000	6.480.000		6.480.000	9,52		9,52
	Hội khuyến học	17.700.000	17.700.000	4.860.000		4.860.000	27,46		27,46
	Hội Chữ thập đỏ	26.000.000	26.000.000	6.480.000		6.480.000	24,92		24,92
11	Chi cho công tác xã hội	324.791.000	324.791.000	87.255.000		87.255.000	26,86		26,86
	Trợ cấp hàng tháng cho cán bộ xã nghi việc theo chế độ quy định và trợ cấp khác	314.791.000	314.791.000	87.255.000		87.255.000	27,72		27,72
	Trẻ mồ côi, người già không nơi nương tựa								
	Trợ cấp xã hội								
	Chính sách và hoạt động phục vụ người có công với cách mạng	10.000.000	10.000.000						
12	Chi khác								
	Chi khác								
	Chi khác								
13	Dự phòng	100.000.000	100.000.000						



14	Tiết kiệm chi 10%	88.165.000		88.165.000					
15	Chi chuyển nguồn sang ngân sách năm sau								
16	Chi chuyển nguồn cải cách tiền lương	642.860.000		642.860.000					